TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST
Ngày: 09/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung

Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 13/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 27/5/2022 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Bị cáo **Trần Văn Đ**, sinh năm 1985; nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; bố đẻ: Trần Văn B; mẹ đẻ: Trần Thị N; vợ: Tạ Thị T,; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Phạm Văn B**, sinh năm 1973; nơi sinh: huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKHKTT: Xóm 3 H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nơi đăng ký tạm trú: thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; bố đẻ: Phạm Bá P; mẹ đẻ: Tống Thị L; vợ: Vũ Thị T1; có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**:

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm 6, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

- Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

- Chị Đào Thị L1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng "vắng mặt".

- Anh Trần Quốc H2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt"

* Người chứng kiến: anh Trần Công L2 "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ ký hợp đồng làm đại lý cho Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết tỉnh Ninh Bình từ ngày 01/01/2021 địa điểm đặt bán tại xóm 6, xã T, huyện K. Quá trình bán xổ số, Đ bán số lô, số đề cho khách có nhu cầu rồi tự tính toán trả thưởng để thu lợi nhuận, việc mua bán số lô, số đề được quy ước như sau: Đ bán 01 điểm lô với số tiền 22.500 đồng, còn số đề thì tùy thuộc vào khách mua, việc xác định trúng thưởng sẽ dựa kết quả của xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày. Số đề sẽ đối chiếu với 02 số cuối của giải đặc biệt, nếu trúng thì Đ sẽ phải trả gấp 80 lần số tiền người mua bỏ ra; số lô được đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, mỗi điểm lô nếu trúng thì người mua được 80.000đồng. Nếu người mua không trúng, Đ sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ ra, cụ thể như sau:

Hồi 17 giờ 28 phút ngày 16/12/2021, Phạm Văn B sử dụng số điện thoại 096.766.02xx lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO nhắn tin đến số điện thoại 038.809.57xx lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10 của Trần Văn Đ hỏi mua số lô, số đề với tổng số tiền là 15.124.000 đồng, gồm 660 điểm lô tương ứng với số tiền 14.850.000đồng; 04 số đề tương ứng với số tiền 274.000 đồng, Đ không nhắn tin trả lời nhưng đã đồng ý bán các số lô, số đề trên cho B. Sau đó B sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K của tài khoản ngân hàng MB Bank, số tài khoản 09886112188xx chuyển số tiền 9.500.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng ViettinBank là 1098038686xx của Đ để thanh toán tiền mua số lô, số đề. Số tiền còn thiếu B dự

định sau khi có kết quả mở thưởng sẽ tính toán với Đ sau, tuy nhiên đến ngày 25/12/2021 Đ lại chuyển trả lại cho B số tiền 9.500.000 đồng.

Đến hồi 17 giờ 35 phút cùng ngày Nguyễn Văn V, sinh năm 1981, trú tại xóm 7, xã T, huyện K đến bàn xổ số của Đ hỏi mua 02 số đề tương ứng với số tiền 36.000 đồng, Đ đồng ý bán. Sau đó, Đ ghi các số đề trên lên 01 cáp đề rồi đưa cho V, khi V đang cầm số tiền 36.000 đồng đưa cho Đ và cầm lấy cáp đề thì bị Công an xã T, huyện K kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, đồng thời công an thu giữ của Văn 01 mảnh giấy có kích thước (6,5 x 9)cm là cáp đề và số tiền 36.000 đồng. Thu giữ của Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10 màu đen; 01 bút bi nhãn hiệu Thiên Long; 01 chiếc kéo cán nhựa màu hồng; 01 ví vải màu xám; 01 tờ giấy A4 màu trắng có ghi các chữ và số bằng mực bút bi; số tiền 5.191.000 đồng. Cùng ngày 16/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành triệu tập Phạm Văn B để xác minh, làm rõ thì Biên tự giác khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp cho Cơ quan công an 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, màu đen.

Vật chứng không thu giữ được: đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số 096.766.02xx sử dụng để đánh bạc trong ngày 16/12/2021. Do lo sợ bị phát hiện nên Phạm Văn B đã tiêu hủy. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện K không thu giữ được chiếc điện thoại nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã tiến hành trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình khôi phục dữ liệu tin nhắn SMS và hình ảnh bị xóa liên quan đến nội dung mua bán số lô, số đề trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10 của Trần Văn Đ (ký hiệu A1) và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K của Phạm Văn B (ký hiệu A2).

Tại Bản kết luận giám định về kỹ thuật số và điện tử số 187/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 17/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: "*Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS và hình ảnh đã bị xóa trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 16/12/2021 lưu trữ trên 02 điện thoại di động ký hiệu A1, A2 do Cơ quan CSĐT Công an huyện K gửi giám định*"

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 12/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn B về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn B phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Đ và Phạm Văn B.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ bị cáo từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ bị cáo từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10 thu giữ của bị cáo Đ và số tiền 36.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K thu giữ của bị cáo B sử dụng vào việc chuyển tiền đánh bạc cho bị cáo Đ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ phong bì niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10; 01 bút bi; 01 chiếc kéo; 01 vỏ phong bì niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K.

- Truy thu bị cáo Phạm Văn B số tiền 15.124.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo Đ.

- Trả lại cho bị cáo Đắc 01 ví bằng vải màu xám và số tiền 5.191.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc lập ngày 16/12/2021; Biên bản kiểm tra điện thoại; Bản kết luận giám định số

187/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 17/02/2022; vật chứng thu giữ của vụ án và còn được chứng minh qua các tin nhắn điện thoại thu giữ của các bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến, đã có đủ cơ sở kết luận: các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, cụ thể vào chiều ngày 16/12/2021 tại xóm 6, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Trần Văn Đ có hành vi bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại cho Phạm Văn B với số tiền là 15.124.000 đồng và bán trực tiếp số đề cho Nguyễn Văn V với số tiền là 36.000 đồng. Tổng số tiền Trần Văn Đ huy động vào việc đánh bạc là 15.160.000 đồng, trong đó có 15.124.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho bị cáo B. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc"

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn B phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như đã được viện dẫn. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đây và vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn B đều có nhân thân thân tốt. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và "*phạm tội lần đầu và*

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ là người trực tiếp bán số lô, số đề, tự trả thưởng cho bị cáo B và anh V, nên giữ vai trò chính; còn bị cáo B là người thực hành, nên có vai trò sau bị cáo Đắc.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo được, nên chỉ cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số 096.766.02xx mà bị cáo B sử dụng để đánh bạc trong ngày 16/12/2021. Do lo sợ bị phát hiện nên bị cáo B đã tiêu hủy. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện K không thu giữ được chiếc điện thoại nói trên.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung Glaxy A10 thu giữ của bị cáo Đ. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 36.000 đồng bị cáo Đ bán số đề cho anh V. Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 vỏ phong bì niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10; 01 bút bi; 01 chiếc kéo; 01 vỏ phong bì niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội và vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 15.124.000 đồng mà bị cáo B sử dụng để mua số lô, số đề của bị cáo Đ, bị cáo B đã chuyển trả trước cho bị cáo Đ 9.500.000 đồng, sau đó bị cáo Đ lại chuyển trả lại cho bị cáo B. Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 ví bằng vải màu xám và số tiền 5.191.000 đồng, thu của bị cáo Đ. Đây là tài sản, tiền của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K thu giữ của bị cáo B, đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc chuyển tiền đánh bạc cho bị cáo Đ, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn V mua số đề của Trần Văn Đ với số tiền đánh bạc là 36.000 đồng, nhưng anh V chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc kết án về hành vi đánh bạc, gá bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên hành vi của anh V không cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngày 13/01/2022 Công an huyện K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" đối với anh Nguyễn Văn V là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Trần Quốc H2, Trần Văn H, chị Đào Thị L1 và chị Đỗ Thị H1 qua xác minh các số điện thoại anh H2, chị H1 và anh H đang sử dụng không liên quan đến việc mua bán số lô, số đề với bị cáo Đ và bị cáo B, nên họ không liên quan đến vụ án.

[6] Về án phí: buộc các bị cáo Trần Văn Đ và Phạm Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn Đ và Phạm Văn B phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ 20** ***(hai mươi)*** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đắc cho UBND xã T, huyện K giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo Đ trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Đ số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn B 18** ***(mười tám)*** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (là nơi bị cáo đang tạm trú) nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo B cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo B trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo B số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10 thu giữ của bị cáo Đ và số tiền 36.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ phong bì niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A10; 01 bút bi; 01 chiếc kéo; 01 vỏ phong bì niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K thu giữ của bị cáo B.

- Truy thu bị cáo Phạm Văn B số tiền 15.124.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Đ 01 ví bằng vải màu xám và số tiền 5.191.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết như Ủy nhiệm chi ngày 17/5/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Án phí: buộc các bị cáo Trần Văn Đ và Phạm Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện K;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *Công an huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng